

Trường:

Họ và tên: Lớp:

Điểm	Nhận xét của giáo viên

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 – MÔN TOÁN LỚP 5

Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống · Bộ đề 2

Thời gian làm bài: 40 phút

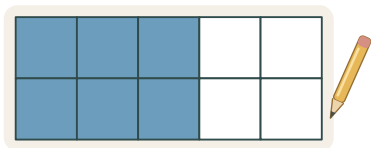
I. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1 (0,5 điểm). Trong số 35,208, chữ số nào ở hàng phần nghìn?

A. 3 B. 2 C. 0 D. 8

Câu 2 (0,5 điểm). Phân số tối giản chỉ phần tô màu trong hình là:



A. $\frac{3}{5}$ B. $\frac{2}{5}$ C. $\frac{3}{2}$ D. $\frac{5}{3}$

Câu 3 (0,5 điểm). Minh làm tròn 8,264 đến hàng phần mười và được 8,2. Kết quả đúng phải là:

A. 8,26 B. 8,3 C. 8,27 D. 8

Câu 4 (0,5 điểm). Gói hàng ghi khối lượng 2 kg 8 g. Cách ghi nào tương đương?

A. 2,8 kg B. 2,08 kg C. 2,008 kg D. 2,0008 kg

Câu 5 (0,5 điểm). Đội A có 40 bạn, trong đó $\frac{3}{5}$ số bạn biết bơi. Số bạn biết bơi là:

A. 24 ban B. 8 ban C. 20 ban D. 32 ban

Câu 6 (0,5 điểm). Hai thùng có tổng cộng 74 kg hàng; thùng nặng hơn chứa nhiều hơn thùng kia 18 kg. Phép tính nào tìm khối lượng thùng nhẹ?

A. $(74 + 18) : 2$ B. $74 : 2 + 18$ C. $74 - 18 : 2$ D. $(74 - 18) : 2$

II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm). Tính:

a) $3\frac{1}{5} - \frac{7}{10}$

b) $2\frac{1}{4} : \frac{3}{2} + \frac{5}{6}$

.....

.....

.....

.....

Câu 2 (1 điểm). Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 8 m 6 cm = ... m

b) 3 kg 45 g = ... kg

c) 5 ha 250 m² = ... m²

d) 4 km² 9 ha = ... ha

Câu 3 (2 điểm). Nhóm A có 36 bạn, $\frac{2}{3}$ số bạn tham gia cờ vua. Nhóm B có 40 bạn, $\frac{3}{5}$ số bạn tham gia cờ vua. Lan nói: “Hai nhóm có số bạn tham gia cờ vua bằng nhau.” Lan nói đúng không? Hãy tính để giải thích.

.....

.....

.....

.....

Câu 4 (2 điểm). Hai ngăn có tổng cộng 96 quyển truyện. Ngăn trên nhiều hơn ngăn dưới 20 quyển. Người ta lấy 8 quyển ở ngăn dưới để làm quà. Hỏi ngăn dưới còn lại bao nhiêu quyển truyện?

.....

.....

.....

.....

----- Hết -----

ĐÁP ÁN

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	D	A	B	C	A	D

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm.

Câu 1. Phương pháp: Xác định vị trí sau dấu phẩy.

Lời giải: Các hàng phần mười, phần trăm, phần nghìn lần lượt là 2, 0, 8.

Đáp án: D.

Câu 2. Phương pháp: Đếm phần tô màu rồi rút gọn.

Lời giải: Hình tô 6 trong 10 phần bằng nhau. $\frac{6}{10} = \frac{3}{5}$.

Đáp án: A.

Câu 3. Phương pháp: Xét chữ số hàng phần trăm.

Lời giải: Chữ số hàng phần trăm là 6, lớn hơn 5; cần tăng chữ số hàng phần mười lên 1, được 8,3.

Đáp án: B.

Câu 4. Phương pháp: Đổi gam thành phần nghìn của ki-lô-gam.

Lời giải: $2 \text{ kg } 8 \text{ g} = 2,008 \text{ kg}$.

Đáp án: C.

Câu 5. Phương pháp: Muốn tìm $\frac{3}{5}$ của 40, lấy 40 nhân với $\frac{3}{5}$.

Lời giải: $40 \times \frac{3}{5} = 24$ (bạn).

Đáp án: A.

Câu 6. Phương pháp: Số bé bằng tổng trừ hiệu rồi chia 2.

Lời giải: Phép tính đúng là $(74 - 18) : 2 = 28$ (kg).

Đáp án: D.

II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm). Phương pháp: Đổi hỗn số ra phân số, thực hiện phép chia trước phép cộng.

Lời giải:

a) $3 \frac{1}{5} = \frac{16}{5}$.

$$\frac{16}{5} - \frac{7}{10} = \frac{32}{10} - \frac{7}{10} = \frac{25}{10} = \frac{5}{2}.$$

b) $2 \frac{1}{4} = \frac{9}{4}$.

$$\frac{9}{4} : \frac{3}{2} = \frac{9}{4} \times \frac{2}{3} = \frac{3}{2}.$$

$$\frac{3}{2} + \frac{5}{6} = \frac{9}{6} + \frac{5}{6} = \frac{14}{6} = \frac{7}{3}.$$

Chấm điểm: Mỗi ý 1 điểm: bước biến đổi đúng 0,5 điểm, tính đúng kết quả 0,5 điểm.

Câu 2 (1 điểm). Phương pháp: Dùng quan hệ giữa các đơn vị ghi trong từng ý; viết đúng vị trí dấu phẩy khi đổi sang đơn vị lớn hơn.

Lời giải:

a) $8\text{ m } 6\text{ cm} = 8,06\text{ m}$.

b) $3\text{ kg } 45\text{ g} = 3,045\text{ kg}$.

c) $5\text{ ha } 250\text{ m}^2 = 50\,250\text{ m}^2$.

d) $4\text{ km}^2\,9\text{ ha} = 409\text{ ha}$.

Chấm điểm: Mỗi ý đúng được 0,25 điểm.

Câu 3 (2 điểm). Phương pháp: Tính hai phần của hai tổng khác nhau rồi đối chiếu, không chỉ so sánh hai phân số.

Lời giải:

Nhóm A có số bạn tham gia là:

$$36 \times \frac{2}{3} = 24 \text{ (bạn)}.$$

Nhóm B có số bạn tham gia là:

$$40 \times \frac{3}{5} = 24 \text{ (bạn)}.$$

Cả hai nhóm đều có 24 bạn tham gia, nên Lan nói đúng.

Chấm điểm: Tính đúng mỗi nhóm 0,75 điểm; kết luận và giải thích 0,5 điểm. Chấp nhận cách giải khác đúng.

Câu 4 (2 điểm). Phương pháp: Tìm số truyện ngăn dưới bằng cách lấy tổng trừ hiệu rồi chia 2; sau đó trừ số đã lấy.

Lời giải:

Hai lần số truyện ở ngăn dưới lúc đầu là:

$$96 - 20 = 76 \text{ (quyển)}.$$

Số truyện ở ngăn dưới lúc đầu là:

$$76 : 2 = 38 \text{ (quyển)}.$$

Số truyện ở ngăn dưới còn lại là:

$$38 - 8 = 30 \text{ (quyển)}.$$

Đáp số: 30 quyển truyện.

Chấm điểm: Hai bước tìm số truyện lúc đầu: 1,25 điểm; tìm số truyện còn lại và đáp số: 0,75 điểm. Chấp nhận cách giải khác đúng.